

Bản án số: 86/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 08 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa

2. Bà Đoàn Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang: Bà Lai Thị Ngọc Mãi, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 08 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:159/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thúy N**, sinh năm 1989 (có mặt).

HKTT: **ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

Chỗ ở hiện nay: **ấp A, xã A, huyện U, tỉnh Kiên Giang.**

* Bị đơn: Anh **Lê Minh H**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: **ấp X, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị **Trần Thúy N** trình bày và yêu cầu như sau:

Chị **N** và anh **H** chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **Đ** vào năm 2016, chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do việc chi tiêu trong gia đình hàng ngày và anh **H** mê tín dị đoan (xem thầy, bà) về nhà đánh đập chị gây thương tích, chị có báo với chính quyền địa phương nhưng chính quyền địa phương không lập biên bản mà chỉ khuyên ngăn, vợ chồng hay cãi nhau, vợ chồng ly thân nhau từ tháng 09/2020 đến nay.

Vợ chồng có 02 con chung tên **Lê Minh T**, sinh ngày 12/8/2016 (hiện đang sống chung với anh **H**); **Lê Trần Thiên H1**, sinh ngày 08/03/2018 (hiện chung sống với chị **N**).

Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Nay yêu cầu được ly hôn với anh **H**, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên **Lê Trần Thiên H1**, sinh năm 08/03/2018; giao cho anh **H** tiếp tục nuôi con chung tên **Lê Minh T**, sinh ngày 12/8/2016, nếu anh **H** không đồng ý nuôi con chung tên **T** thì chị xin nhận được nuôi; không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị **N** xin được ly hôn với anh **H**; yêu cầu được nuôi con chung **Lê Trần Thiên H1**; giao con chung **Lê Minh T** cho anh **H** tiếp tục nuôi dưỡng; chị **N** không yêu cầu anh **H** cấp dưỡng nuôi con; không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu.

** Tại biên bản hòa giải ngày 04 tháng 5 năm 2023 bị đơn anh **Lê Minh H** trình bày:*

Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn, con chung, thời gian ly thân là đúng như lời trình bày của chị **N**.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Anh đi làm đôi khi 2 - 3 ngày mới về nhà một lần, khi về thì thấy trong phòng ngủ lên meo, mốc do ối mưa, chị **N** không thường xuyên chăm sóc con mà ăn nhậu, bê tha. Cụ thể là ngày 06/9/2021, khi anh về nhà thì không thấy chị **N** đâu, gọi điện thoại không được, anh không biết chị **N** đi đâu và làm gì. Sau đó anh phát hiện các con của anh ở nhà cha mẹ vợ nên vào ngày 02/10/2021 anh rước con anh về nhà, khi đó chị **N** tự về nhà chung sống. Thời gian chung sống (sau khi chị **N** về nhà), anh có hỏi việc đối với chị **N** nhưng chị **N** không trả lời được nên anh có đánh chị **N**, hôm sau có chính quyền địa phương và người cô, chị em của chị **N** đến nhà anh hỏi anh về việc đánh chị **N**, khi đó anh có nhận lỗi và sự việc được dàn xếp. Hôm sau có em vợ trai và gái cùng với một

người trai (không biết tên) đến nhà cha mẹ anh để hành hun anh, anh có báo và chính quyền địa phương đến nhưng không lập biên bản. Cùng ngày 20/10/2021 mẹ vợ **Trần Thị H2** đến nhà anh hỏi mượn con tên **Lê Trần Thiên H1** về nhà mẹ vợ chơi 5 - 7 ngày nhưng đến nay không trả.

Vợ chồng không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai.

Theo yêu cầu của chị **N**, anh **H** có ý kiến như sau:

Nay anh đồng ý ly hôn với chị **N**, yêu cầu được nuôi 02 người con chung, vì trước đây anh đến thăm con thì bị gia đình bên vợ hành hun; anh không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng; tài sản không tranh chấp và không nợ ai nên không yêu cầu.

Kiểm sát viên phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Về tình cảm vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thúy N** và anh **Lê Minh H**; về con chung: Giao con chung tên **Lê Trần Thiên H1** cho chị **Trần Thúy N** tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung tên **Lê Minh T** cho anh **Lê Minh H** tiếp tục nuôi dưỡng; chị **N** và anh **H** không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét; chị **N** và anh **H** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ngày 02 tháng 8 năm 2023 Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và phiên tòa được mở ngày hôm nay.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Trần Thúy N** và anh **Lê Minh H** chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã Đ** vào năm 2016 nên hôn nhân là hợp pháp. Chị **N** và anh **H** chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị **N** và anh **H** bất đồng về việc chi tiêu trong gia đình và sinh hoạt gia đình hàng ngày, chị **N** và anh **H** thường hay cãi nhau và có lần anh **H** đánh chị **N** dẫn đến vợ chồng ly thân nhau từ tháng 09

năm 2020 đến nay. Tại phiên họp hòa giải ngày 04/05/2023 và tại phiên tòa hôm nay chị **N** và anh **Hiếu thuận t** ly hôn.

Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân ngày 10/05/2023 cho thấy, giữa chị **N** và anh **H** xảy ra mâu thuẫn gì thì chính quyền địa phương không rõ, nhưng chị **N** đã bỏ về cha mẹ ruột sinh sống đến nay.

Xét thấy giữa chị **N** và anh **H** đã ly thân nhau trong một thời gian dài, hai người không có biện pháp hàn gắn. Như vậy, hôn nhân giữa chị **N** và anh **H** không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **N** và anh **H**. Xét thấy sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị **N** và anh **H** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thúy N** và anh **Lê Minh H**.

[3] Về quan hệ con chung: chị **N** và anh **H** xác định là chị **N** và anh **H** có 02 con chung tên **Lê Minh T**, sinh ngày 12/8/2016; **Lê Trần Thiên H1**, sinh năm 08/03/2018, hiện tại con chung **Lê Minh T** đang sống chung với anh **H**; còn con chung tên **Lê Trần Thiên H1** đang sống chung với chị **N**. Tại phiên tòa, chị **N** và anh **H** đều có yêu cầu được nuôi con chung tên **Lê Trần Thiên H1**. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu **H1** là giới tính nữ, lại là trẻ em chưa tự chăm sóc mình được. Trên thực tế, con gái khi đến tuổi phát triển tâm sinh lý thì hay gần gũi với người mẹ nhiều hơn, ngược lại người mẹ biết và chỉ dẫn cho con gái nhiều việc về cách sinh hoạt của người phụ nữ. Do đó, để tạo điều kiện tốt nhất cho con về phát triển tâm sinh lý sau này, theo đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử chấp nhận, giao con chung tên **Lê Trần Thiên H1** cho chị **Trần Thúy N** tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung tên **Lê Minh T** cho anh **Lê Minh H** tiếp tục nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **Trần Thúy N** và anh **Lê Minh H** không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị **Trần Thúy N** và anh **Lê Minh H** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị **Trần Thúy N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thúy N** và anh **Lê Minh H**.

- *Về quan hệ con chung:* Giao con chung tên **Lê Trần Thiên H1** cho chị **Trần Thúy N** tiếp tục nuôi dưỡng; giao con chung tên **Lê Minh T** cho anh **Lê Minh H** tiếp tục nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị **Trần Thúy N** và anh **Lê Minh H** không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Chị **Trần Thúy N** và anh **Lê Minh H** xác định là không tranh chấp tài sản chung và không nợ ai, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí:* Buộc chị **Trần Thúy N** chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu số: 0001132 ngày 02/03/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh. Chị **N** đã nộp xong tiền án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai có mặt, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

